

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 15 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Kim A – sinh năm 1990

Trú tại: thôn 1, xã B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông Huỳnh Hữu C – sinh năm 1990

Trú tại: khu phố 5, phường D, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đỗ Thị Kim A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do hai người không hợp nhau dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau nên bà A cùng các con đã về

nhà mẹ ruột sống từ năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có hai con Huỳnh Ngọc E, sinh ngày 20/6/2008 và Huỳnh Tố F, sinh ngày 23/11/2010. Hiện nay bà đang nuôi các con và các con có nguyện vọng được ở với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Huỳnh Hữu C:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông không làm bản tự khai, không tham gia tố tụng nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt ông C theo quy định của pháp luật.

Vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Huỳnh Hữu C cư trú tại khu phố 5, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Huỳnh Hữu C đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, quyền số 01/2011, ngày 16 tháng 9 năm 2012.

Bà A cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông C không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm dẫn đến hai người không còn sống chung từ năm 2018, mạnh ai nấy sống. Tòa án có xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà A và ông C cư trú cho thấy bà A và ông C có xảy ra mâu thuẫn là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa hòa giải nhưng ông không đến, chứng tỏ ông muốn bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A, không còn thiết tha xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định này, đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông C có hai con Huỳnh Ngọc E, sinh ngày 20/6/2008 và Huỳnh Tổ F, sinh ngày 23/11/2010. Hiện nay bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, nên để đảm bảo cuộc sống của các cháu được ổn định cần tiếp tục giao cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng bà A chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xét, nếu sau này bà A có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/**Tuyên xử**:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Kim A, bà A được ly hôn ông Huỳnh Hữu C.

- ***Về con chung***: Giao cho bà Đỗ Thị Kim A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con Huỳnh Ngọc E (giới tính nữ), sinh ngày 20/6/2008 và Huỳnh Tổ F (giới tính nữ) sinh ngày 23/11/2010. Bà A chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng cho các con.

Sau khi ly hôn, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- ***Về án phí***: Bà Đỗ Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0009522 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- UBND phường D;
- Chi cục THA dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan